

Bản án số: 20/2024/DS-PT

Ngày: 26/3/2024

V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG**

***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Như

*Các Thẩm phán:* Ông Ngôn Ngọc Viên

Bà Doanh Thị Mây

***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nông Hữu Duy – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa:*** Bà Chung Thị Bích Phượng-Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 43/2023/TLPT-DS ngày 14/11/2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 13/2023/DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Quảng Hòa bị kháng nghị.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 29/2024/QĐ-PT ngày 26 tháng 02 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 34/QĐ-PT ngày 07/3/2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Ngân hàng thương mại cổ phần B**

Địa chỉ trụ sở chính: Tòa nhà T, số B T, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đức T – Chủ tịch Ngân hàng TMCP B.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lưu Bích T1- Giám đốc Ngân hàng TMCP B- Chi nhánh C.

Người được ủy quyền lại của người đại diện theo ủy quyền: Ông Lương Trung H - Giám đốc Ngân hàng TMCP B chi nhánh C - phòng G; Địa chỉ: Tổ dân phố H, thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Cao Bằng; Có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn:* **Phan Đoàn V (đã chết)**

**Hoàng Thị T2.**

- *Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Phan Đoàn V:*

1. Đường Thị T3 – Sinh 1958

Địa chỉ: TDP Tân Thịnh, thị trấn Tà Lùng, huyện Quảng Hoà, tỉnh Cao Bằng

2. Phan Đoàn Ngọc H1 – Sinh 2005

3. Phan Đoàn Ngọc H2 – Sinh 2008

4. Hoàng Thị T2 – Đồng thời là người đại diện theo pháp luật của Phan Đoàn Ngọc V1.

Cùng địa chỉ: Xóm T, xã M, huyện Q, tỉnh Cao Bằng. Điều vắng mặt tại phiên toà không có lý do

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* **Phan Đoàn N, Nông Thị Y.**

Cùng địa chỉ: TDP T, thị trấn T, huyện Q, tỉnh Cao Bằng.

Vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

- *Người kháng nghị:* Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng.

## NỘI DUNG VỤ ÁN

[1] Theo đơn khởi kiện ngày 12/6/2023 và đơn trình bày ngày 26/9/2023 của Lương Trung H - Giám đốc ngân hàng TMCP B - PGD Quảng Uyên:

Ngày 14/5/2021 ông Phan Đoàn V và bà Hoàng Thị T2 đã ký kết hợp đồng vay vốn tại ngân hàng TMCP B chi nhánh C theo hợp đồng hạn mức tín dụng số HDTD2532021070, số tiền cho vay là 3.000.000.000đ (ba tỷ đồng), thời hạn vay 12 tháng, lãi suất theo từng khế ước nhận nợ, phương thức trả nợ gốc: Cuối kỳ của mỗi KUNN, phương thức trả nợ gốc: 25 hàng tháng. Ông Phan Đoàn N và bà Nông Thị Y là em trai, em dâu đã bảo lãnh và đặt tài sản thế chấp gồm:

+ Thế chấp 01 bất động sản theo GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành CB 411910, số vào sổ cấp GCN: CH01897 do U (nay là Q) cấp ngày 11/11/2016 mang tên Phan Đoàn N và Nông Thị Y.

+ Thế chấp 01 bất động sản theo GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành CQ208327, số vào sổ cấp GCN: CS02219 do Sở TNMT Cao Bằng cấp ngày 27/3/2019 mang tên Phan Đoàn N và Nông Thị Y.

+ Thế chấp 01 bất động sản theo GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành BS 367953, số vào sổ cấp GCN: CH01502 do U (nay là Q) cấp ngày 26/5/2015 mang tên Phan Đoàn N và Nông Thị Y.

+ Thế chấp 01 động sản theo GCN đăng ký xe ô tô số 008322 do Phòng C1 Công an tỉnh C ngày 18/3/2019 mang tên Phan Đoàn N.

Lịch trả nợ của khách hàng Phan Đoàn V và Hoàng Thị T2 từ ngày 03/6/2021 đến hết ngày 03/12/2022, nhưng ngày 03/12/2022 ông V và bà T2 không trả được nợ theo cam kết nên khoản vay đã chuyển nợ quá hạn. Từ khi

khoản vay chuyển nợ quá hạn ngân hàng đã nhiều lần làm việc với ông V bà T2 bằng văn bản, điện thoại, làm việc trực tiếp nhưng khách hàng vẫn không trả nợ đúng hạn theo cam kết, hiện khoản vay đã chuyển nợ xấu.

Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề sau:

1. Buộc ông Phan Đoàn V và bà Hoàng Thị T2 phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ ngay cho Ngân hàng Hợp đồng tín dụng số HDTD2532021070 ký ngày 14/5/2021 với tổng số tiền tạm tính đến ngày 26/9/2023 là: 574.958.198 VND (Bằng chữ: Năm trăm bảy mươi tư triệu chín trăm năm mươi tám nghìn một trăm chín mươi tám đồng). Trong đó nợ gốc 89,984,936 VND (Bằng chữ: Tám mươi chín triệu chín trăm tám mươi tư nghìn chín trăm ba sáu đồng), nợ lãi trong hạn: 82.556.875 VND (Tám mươi hai triệu năm trăm năm mươi sáu nghìn tám trăm bảy năm đồng), nợ lãi quá hạn: 388.444.245 đồng (Bằng chữ: Ba trăm tám mươi tám triệu bốn trăm bốn mươi bốn nghìn hai trăm bốn năm đồng), lãi phạt: 13.972.136 đồng (Bằng chữ: Mười ba triệu chín trăm bảy mươi hai nghìn một trăm ba sáu đồng).

2. Trong thời gian chưa thanh toán nợ, buộc ông Phan Đoàn V và bà Hoàng Thị T2 phải chịu lãi suất quá hạn theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng cho đến khi tất toán khoản vay.

3. Trong trường hợp khách hàng ông Phan Đoàn V và bà Hoàng Thị T2 không trả nợ thì Ngân hàng được quyền yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo theo Hợp đồng tín dụng số HDTD2532021070 ký ngày 14/05/2021 để thu hồi nợ, cụ thể như sau:

+ 01 Bất động sản theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BS 367953, Số vào sổ cấp GCN: CH01502 do Ủy ban nhân dân huyện U (nay là huyện Q, tỉnh Cao Bằng) cấp ngày: 26/05/2015;

+ 01 Bất động sản theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CB 411910, Số vào sổ cấp GCN: CH01897 do Ủy ban nhân dân huyện U (nay là huyện Q, tỉnh Cao Bằng) cấp ngày: 11/11/2016;

+ 01 Bất động sản theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CQ 208327, Số vào sổ cấp GCN; CS02219 do Sở T4 Cao Bằng cấp ngày: 27/03/2019.

4. Sau khi phát mại hết tài sản nhưng chưa thanh toán hết nợ cho ngân hàng ông V, bà T2 phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng cho đến khi trả hết nợ cho ngân hàng.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án:

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.
- Bị đơn Phan Đoàn V từ bỏ quyền tham gia tố tụng vì điều trị bệnh.
- Bị đơn Hoàng Thị T2: Biên bản lấy lời khai ngày 28/8/2023 thể hiện: Vợ chồng tôi được công nhận ký hợp đồng để vay Ngân hàng L chi nhánh Q số tiền



03 tỷ đồng bằng tài sản thế chấp của em Phan Đoàn N, Nông Thị Y, tuy nhiên chỉ đứng tên vay hộ Phan Đoàn N, Nông Thị Y. Sau đó chị T2 có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phan Đoàn N từ bỏ quyền tham gia tố tụng mà không có lý do.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nông Thị Y: Tại bản tự khai ngày 17/7/2023 thể hiện: Năm 2021 vợ chồng tôi có dùng các tài sản gồm thửa đất số 59, tờ bản đồ số 44, thửa đất số 232, 233 tờ bản đồ số 45, và xe ô tô biển kiểm soát 11A-04.623 mang tên Phan Đoàn N, Nông Thị Y, địa chỉ: TDP T, thị trấn T, Q, tỉnh Cao Bằng để cho vợ chồng Phan Đoàn V, Hoàng Thị T2 vay Ngân hàng B số tiền 03 tỷ đồng, tuy nhiên đến nay chưa trả hết nợ, tôi mong Ngân hàng tạo điều kiện cho anh V, chị T2 giãn nợ để có cơ hội tái sản xuất. Sau đó chị Y từ bỏ quyền tham gia tố tụng mà không có lý do.

- Theo yêu cầu của Ngân hàng, Tòa án đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ vào hồi 15 giờ 10 phút ngày 17/8/2023, xác định:

+ Thửa đất số 59, tờ bản đồ số 44 mang tên Phan Đoàn N, Nông Thị Y địa chỉ: TDP T, thị trấn T, Q, tỉnh Cao Bằng: Trên đất có 01 nhà cấp 4, tường xây gạch xi măng, mái lợp tôn trên toàn bộ diện tích thửa đất trong đó xếp hàng hóa và để xe ô tô. Nhà và đất chưa bị chuyển nhượng hoặc cho người khác thuê.

+ Thửa đất số 232, 233 tờ bản đồ số 45, mang tên Phan Đoàn N, Nông Thị Y, địa chỉ: TDP T, thị trấn T, Q, tỉnh Cao Bằng: Trên 02 thửa đất có ngôi nhà cấp 4 mái lợp tôn, đất và nhà hiện nay thuộc quyền sở hữu của anh N và chị Y, hiện nay chưa bị chuyển nhượng hoặc thế chấp lại cho ngân hàng khác.

[3]. Tại phiên tòa:

- Ngày 22/9/2023: Mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng bị đơn Phan Đoàn V và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phan Đoàn N, Nông Thị Y đều vắng mặt không có lý do. Bị đơn Hoàng Thị T2 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt đề ngày 28/8/2023.

- Ngày 26/9/2023: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt có lý do và có đơn trình bày giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều tiếp tục vắng mặt không có lý do, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 13/2023/DS-ST ngày 26/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng đã Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 157, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 91, 95, 98 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi bổ sung năm 2017); Điều 26 Luật Thi hành án dân sự; Các Điều 463, 464, 465, 466, 467, 468, 470 của Bộ luật dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án, xử:



Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc vợ chồng ông Phan Đoàn V và bà Hoàng Thị T2 phải có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng TMCP B - Chi nhánh tỉnh C - Phòng G với số tiền tạm tính đến ngày 26/9/2023 là: **574.958.198 VND** (Bằng chữ: Năm trăm bảy mươi tư triệu chín trăm năm mươi tám nghìn một trăm chín mươi tám đồng). Trong đó **nợ gốc 89,984,936 VND** (Bằng chữ: Tám mươi chín triệu chín trăm tám mươi tư nghìn chín trăm ba sáu đồng), **nợ lãi trong hạn: 82.556.875 VND** (Tám mươi hai triệu năm trăm năm mươi sáu nghìn tám trăm bảy năm đồng), **nợ lãi quá hạn: 388.444.245 đồng** (Bằng chữ: Ba trăm tám mươi tám triệu bốn trăm bốn mươi bốn nghìn hai trăm bốn năm đồng), **lãi phạt: 13.972.136 đồng** (Bằng chữ: Mười ba triệu chín trăm bảy mươi hai nghìn một trăm ba sáu đồng) theo hợp đồng tín dụng số HDTD2532021070 ngày 14/05/2021 đã ký kết với Ngân hàng. Trong thời gian chưa thanh toán nợ, ông Phan Đoàn V và bà Hoàng Thị T2 phải chịu lãi suất quá hạn theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng cho đến khi tất toán khoản vay. Trường hợp không trả nợ thì Ngân hàng được quyền yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo theo Hợp đồng tín dụng số HDTD2532021070 ngày 14/05/2021 để thu hồi nợ.

Sau khi ông Phan Đoàn V, Hoàng Thị T2 thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng có trách nhiệm tất toán hợp đồng tín dụng số HDTD2532021070 ngày 14/05/2021 theo quy định.

Kể từ khi Bản án có hiệu lực pháp luật, nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án hợp lệ, nếu bị đơn chậm thanh toán sẽ phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của hợp đồng tín dụng số HDTD2532021070 ngày 14/05/2021 nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 và theo quy định của Nghị quyết [01/2019/NQ-HĐTP](#) ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Ngoài ra bản án còn tuyên về phần chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và án phí cho các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 26/10/2023, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng có quyết định kháng nghị số 2512/QĐ-VKS-DS đối với bản án dân sự sơ thẩm số 13/2023/DS-ST ngày 26/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng xét xử theo hướng sửa bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Đại diện viện kiểm sát trình bày bản kháng nghị số 2512/QĐ-VKS-DS đối với bản án dân sự sơ thẩm số 13/2023/DS-ST ngày 26/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Quảng Hòa, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng xét xử lại theo hướng sửa bản án sơ thẩm, bởi vì bản án sơ thẩm chưa làm rõ việc anh N bán xe ô tô thực hiện nghĩa vụ thế chấp với ngân hàng N1? Hiện nay đã chấm dứt nghĩa vụ thế chấp đối với tài sản đảm bảo là ô tô biển số

11A-046.23 hay chưa? Mặt khác bản án sơ thẩm chưa xác định rõ tài sản thế chấp còn lại bao gồm tài sản gì? đối với tài sản thế chấp là bất động sản cần tuyên rõ số thửa, số tờ bản đồ, diện tích của từng thửa đất, các tài sản trên đất, các giấy tờ chứng minh quyền quản lý, sử dụng của người thế chấp tài sản... nhằm đảm bảo cho việc thi hành án. Do vậy đề nghị HĐXX phúc thẩm khắc phục những nội dung trên.

Đại diện theo ủy quyền của ngân hàng thương mại cổ phần B ông Lương Trung H có đơn xin xét xử vắng mặt và nhất trí với bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng phát biểu ý kiến:

*Về tố tụng:* Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

*Về quan điểm giải quyết vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, tuyên sửa 1 phần bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố tỉnh Cao Bằng.

*Sau khi nghiên cứu hồ sơ và thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, nghe lời trình bày của các đương sự, ý kiến phát biểu của kiểm sát viên và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa.*

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Tòa án cấp sơ thẩm thực hiện và tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong việc thụ lý, xác định thẩm quyền, quan hệ pháp luật tranh chấp, thu thập và giao nộp chứng cứ, thẩm định, hòa giải, trình tự và thủ tục phiên tòa sơ thẩm...Quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng ban hành trong thời hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] *Về tố tụng:*

Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn, người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Phan Đoàn V, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ 2 lần nhưng vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm không có lý do. Do vậy Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Xét nội dung kháng nghị của viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng.*

*Thứ nhất:* Vi phạm về việc không thu thập đầy đủ tài liệu chứng cứ:

Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã không thu thập và làm rõ quá trình anh Phan Đoàn N bán tài sản thế chấp là chiếc ô tô biển số: 11A-046.23 màu đen, chỗ ngồi 7 chỗ, số loại EXPLORE theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 008322, để trả nợ ngân hàng và ý kiến của ngân hàng về thủ tục giải chấp đối với chiếc ô tô. Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm thấy rằng, việc cấp sơ thẩm không thu thập xác minh đầy đủ tài liệu chứng cứ trên đã vi phạm

điều 97 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó viện kiểm sát kháng nghị là có căn cứ nên cần chấp nhận. Tuy nhiên sau khi cấp phúc thẩm thụ lý vụ án, phía ngân hàng đã có công văn số 172/2023/CV- L1.Cao Bằng ngày 29/11/2023 cung cấp thông tin về việc xử lý tài sản thế chấp chiếc ô tô biển số: 11A-046.23 màu đen, chỗ ngồi 7 chỗ, số loại EXPLORE, ngân hàng N2 với việc ông Phan Đoàn N đề xuất rút 1 phần tài sản là chiếc xe ô tô nêu trên để ông N bán trả nợ cho Ngân hàng và đã được ngân hàng đồng ý. Do đó cấp phúc không cần thiết phải thu thập thêm chứng cứ cũng như không cần cần thiết phải huỷ bản án để giải quyết lại.

*Thứ hai:* Vi phạm trong việc bản án tuyên áp dụng thiếu điều luật và tuyên không rõ ràng gây khó khăn trong việc thi hành án.

Hội đồng xét xử nhận thấy, Hợp đồng thế chấp tài sản HĐTC số 253202124 ngày 13/5/2021 bên thế chấp tài sản là ông Phan Đoàn N và bà Nông Thị Y, tài sản thế chấp gồm:

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BS 367953, số vào sổ cấp GCN: CH01502 do Ủy ban nhân dân huyện U (nay là huyện Q, tỉnh Cao Bằng) cấp ngày 26/05/2015. Cụ thể là thửa đất số 232, tờ bản đồ số 45, diện tích 85m<sup>2</sup> có địa chỉ tại Khu D (4), thị trấn T, huyện P, tỉnh Cao Bằng (nay là Tổ dân phố T, thị trấn T, huyện Q, tỉnh Cao Bằng); toàn bộ vật phụ, trang thiết bị kèm theo và phần có giá trị công trình, diện tích cải tạo, đầu tư xây dựng gắn liền với tài sản thế chấp hoặc sẽ hình thành trên đất.

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CB 411910, số vào sổ cấp GCN: CH01897 do Ủy ban nhân dân huyện U (nay là huyện Q, tỉnh Cao Bằng) cấp ngày 11/11/2016. Cụ thể là thửa đất số 233, tờ bản đồ số 45, diện tích 85m<sup>2</sup> có địa chỉ tại Tổ dân phố T, thị trấn T, huyện Q, tỉnh Cao Bằng; toàn bộ vật phụ, trang thiết bị kèm theo và phần có giá trị công trình, diện tích cải tạo, đầu tư xây dựng gắn liền với tài sản thế chấp hoặc sẽ hình thành trên đất; Tài sản gắn liền với đất: nhà 01 tầng, kết cấu bê tông cốt thép, diện tích 155m<sup>2</sup>, xây dựng năm 2020.

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CQ 208327, số vào sổ cấp GCN: CS02219 do Sở T4 Cao Bằng cấp ngày 27/03/2019. Cụ thể là thửa đất số 59, tờ bản đồ số 44, diện tích 80,1m<sup>2</sup> có địa chỉ tại Tổ dân phố T, thị trấn T, huyện Q, tỉnh Cao Bằng. Toàn bộ vật phụ, trang thiết bị kèm theo và phần có giá trị công trình, diện tích cải tạo, đầu tư xây dựng gắn liền với tài sản thế chấp hoặc sẽ hình thành trên đất. Tài sản gắn liền với đất: 01 nhà cấp 4 tường gạch khung thép làm gara ô tô, diện tích 80m<sup>2</sup>, xây dựng năm 2020.

Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét thấy, quá trình thực hiện hợp đồng thế chấp tài sản các bên đương sự hoàn toàn tự nguyện và thực hiện đúng quy định của pháp luật về việc thực hiện hợp đồng thế chấp tài sản. Tuy nhiên tại bản án sơ thẩm không đánh giá đối với Hợp đồng thế chấp tài sản, hơn nữa tại phần



quyết định của bản án sơ thẩm tuyên thiếu Điều luật về xử lý tài sản đảm bảo được quy định tại điều 323 và điều 327 Bộ luật dân sự và không tuyên hiệu lực của hợp đồng thế chấp để làm căn cứ cho việc thi hành án khi chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là còn thiếu sót. Tuy nhiên đối với nội dung kháng nghị này cấp phúc thẩm đã khắc phục được nên không cần thiết phải huỷ bản án, mà chỉ cần sửa 1 phần bản án là đảm bảo được quyền và lợi hợp pháp của đương sự. Xét thấy nội dung kháng nghị này của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng là có căn cứ nên cần được chấp nhận.

Quan điểm của viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử phúc thẩm nên cần được chấp nhận.

Những nội dung không bị kháng cáo, không có kháng nghị, có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2 Điều 308; Điều 148 - Bộ luật tố tụng dân sự;

Các Điều 91, 95, 98 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi bổ sung năm 2017);

Các Điều 299, 319, 323, 327, 463, 464, 465, 466, 467, 468, 470 của Bộ luật dân sự;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận kháng nghị của viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng. Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 13/2023/DS-ST ngày 26/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng.

#### **Tuyên xử:**

[1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc vợ chồng ông Phan Đoạn V và bà Hoàng Thị T2 phải có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng TMCP B - Chi nhánh tỉnh C - Phòng G với số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm 26/9/2023 là: 574.958.198 VND (*Bằng chữ: Năm trăm bảy mươi tư triệu chín trăm năm mươi tám nghìn một trăm chín mươi tám đồng*).

Trong đó nợ gốc 89,984,936 VND (*Bằng chữ: Tám mươi chín triệu chín trăm tám mươi tư nghìn chín trăm ba sáu đồng*), nợ lãi trong hạn: 82.556.875 VND (*Tám mươi hai triệu năm trăm năm mươi sáu nghìn tám trăm bảy năm đồng*), nợ lãi quá hạn: 388.444.245 đồng (*Bằng chữ: Ba trăm tám mươi tám triệu bốn trăm bốn mươi bốn nghìn hai trăm bốn năm đồng*), lãi trên nợ lãi chưa trả: 13.972.136 đồng (*Bằng chữ: Mười ba triệu chín trăm bảy mươi hai nghìn một*

trăm ba sáu đồng) theo hợp đồng tín dụng số HDTD2532021070 ngày 14/05/2021 đã ký kết với Ngân hàng.

Trong thời gian chưa thanh toán hết nợ, ông Phan Đoàn V và bà Hoàng Thị T2 phải chịu lãi suất quá hạn theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng cho đến khi tất toán khoản vay.

Công nhận hiệu lực của hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số HĐTC 253202124 ngày 13/5/2021. Trường hợp ông Phan Đoàn V, bà Hoàng Thị T2 không trả được nợ thì Ngân hàng được quyền yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo theo HĐTC 253202124 ngày 13/5/2021 để thu hồi nợ.

Tài sản dùng để đảm bảo trong hợp đồng tín dụng số HDTD2532021070 ngày 14/05/2021 gồm các tài sản sau:

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BS 367953, số vào sổ cấp GCN: CH01502 do Ủy ban nhân dân huyện U (nay là huyện Q, tỉnh Cao Bằng) cấp ngày 26/05/2015. Cụ thể là thửa đất số 232, tờ bản đồ số 45, diện tích 85m<sup>2</sup> có địa chỉ tại Khu D (4), thị trấn T, huyện P, tỉnh Cao Bằng (nay là Tổ dân phố T, thị trấn T, huyện Q, tỉnh Cao Bằng); toàn bộ vật phụ, trang thiết bị kèm theo và phần có giá trị công trình, diện tích cải tạo, đầu tư xây dựng gắn liền với tài sản thế chấp hoặc sẽ hình thành trên đất.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CB 411910, số vào sổ cấp GCN: CH01897 do Ủy ban nhân dân huyện U (nay là huyện Q, tỉnh Cao Bằng) cấp ngày 11/11/2016. Cụ thể là thửa đất số 233, tờ bản đồ số 45, diện tích 85m<sup>2</sup> có địa chỉ tại Tổ dân phố T, thị trấn T, huyện Q, tỉnh Cao Bằng; toàn bộ vật phụ, trang thiết bị kèm theo và phần có giá trị công trình, diện tích cải tạo, đầu tư xây dựng gắn liền với tài sản thế chấp hoặc sẽ hình thành trên đất; Tài sản gắn liền với đất: nhà 01 tầng, kết cấu bê tông cốt thép, diện tích 155m<sup>2</sup>, xây dựng năm 2020.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CQ 208327, số vào sổ cấp GCN: CS02219 do Sở T4 Cao Bằng cấp ngày 27/03/2019. Cụ thể là thửa đất số 59, tờ bản đồ số 44, diện tích 80,1m<sup>2</sup> có địa chỉ tại Tổ dân phố T, thị trấn T, huyện Q, tỉnh Cao Bằng. Toàn bộ vật phụ, trang thiết bị kèm theo và phần có giá trị công trình, diện tích cải tạo, đầu tư xây dựng gắn liền với tài sản thế chấp hoặc sẽ hình thành trên đất. Tài sản gắn liền với đất: 01 nhà cấp 4 tường gạch khung thép làm gara ô tô, diện tích 80m<sup>2</sup>, xây dựng năm 2020.

Sau khi phát mại hết tài sản mà vẫn chưa thanh toán hết nợ cho Ngân hàng, ông V và bà T2 phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng đến khi hết số tiền vay nợ.

Kể từ khi Bản án có hiệu lực pháp luật, nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án hợp lệ, nếu bị đơn chậm thanh toán sẽ phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất chậm trả tiền được xác định theo

thỏa thuận của hợp đồng tín dụng số HDTD2532021070 ngày 14/05/2021 nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 và theo quy định của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

[2] Những nội dung không có kháng cáo, không có kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Án xử phúc thẩm công khai có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh;
- Cục THADS tỉnh;
- CCTHADS huyện Quảng Hòa;
- TAND Quảng Hòa;
- Các bên đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Toà DS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Như**



